

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 31 - 3 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Viết Chấn, ông Nguyễn Đình Nghịch

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Đức T2, sinh năm 1968; Nơi cư trú cuối cùng: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:** Bà T và ông Phan Đức T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/6/1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2003 thì ông T2 tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không rõ tung tích. Bà T và gia đình đã tìm kiếm nhiều lần nhưng đến nay vẫn không biết ông T2 làm gì ở đâu. Năm 2020 bà T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T2 mất tích. Ngày 24/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố ông T2 mất tích theo quyết định số 06/2020/QĐST-VDS. Nay ông T2 đã mất tích, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T2.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thị Thu N, sinh ngày 16/5/1999. Hiện cháu N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường, tự nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**\* Bị đơn ông Phan Đức T2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông T2 cư trú cuối cùng thể hiện:**

Ông T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K. Từ năm 2003 ông T2 đã bỏ nhà đi, khi đi không báo với chính quyền địa phương, hiện nay ông T2 ở đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết. Quá trình giải quyết vụ án ông T2 vẫn vắng mặt nên không ghi được lời khai.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T. Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phan Đức T2. Về con chung: Con chung của bà T, ông T2 đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[1.1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phan Đức T2 có nơi cư trú cuối cùng tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Theo quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2020/QĐST-VDS ngày 24 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố ông Phan Đức T2 mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; Mặt khác, ông T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Đức T2.

[2] Về nội dung: Bà T với ông Phan Đức T2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/6/1998. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp được Pháp luật bảo vệ. Năm 2003 ông T2 bỏ đi, bà T không có tin tức gì của ông T2. Ngày 24/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tuyên bố ông T2 mất tích theo Quyết định số 06/2020/QĐST-VDS. Do ông T2 đã mất tích nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thị Thu N, sinh ngày 16/5/1999. Hiện cháu N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường, tự nuôi sống bản thân, bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phan Đức T2.

2. Về con chung: Phan Thị Thu N, sinh ngày 16/5/1999. Hiện cháu N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường, tự nuôi sống bản thân, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0017780 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Đình Nam**